TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 4 - 2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tư và ông Nguyễn Xuân Thuỳ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại phòng xét xử, Toà án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Kim A, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Kim A trình bày:

Về phần hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T về chung sống với nhau từ năm 2022, trên tinh thần tự nguyện, không ép buộc hay sắp đặt gì, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là UBND xã K, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan

điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau, chị và anh T đã ly thân với nhau từ tháng 10/2025 đến nay. Chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể kéo dài đời sống hôn nhân thêm nữa nên làm đơn yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Bùi Quang D, sinh ngày 27/09/2022 và Phan Bùi Minh T1, sinh ngày 06/02/2026. Khi ly hôn chị sẽ nuôi dưỡng cháu T1 đến tuổi trưởng thành. Còn cháu D giao cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị A về chung sống với nhau từ năm 2022, trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là UBND xã K, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Hiện anh và chị A đã sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Bùi Quang D, sinh ngày 27/09/2022 và Phan Bùi Minh T1, sinh ngày 06/02/2026. Khi ly hôn đồng ý để chị A nuôi dưỡng cháu T1 đến tuổi trưởng thành, còn cháu D anh sẽ nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đồng ý ly hôn, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Lâm Đồng tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Như vậy, về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ. Đối với nguyên đơn chị A và bị đơn anh T có đơn đề nghị xét xử vắng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễm, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kim A, cho chị A được ly hôn với anh Phan Văn T;

Về con chung: Chị A có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Phan Bùi Minh T1 và anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Phan Bùi Quang D đến tuổi trưởng thành nên cần giao con chung là cháu Phan Bùi Quang D, sinh ngày 27/09/2022 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao con chung là cháu Phan Bùi Minh T1, sinh ngày 06/02/2026 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Bùi Thị Kim A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn T và đề nghị giải quyết về con chung. Tại thời điểm chị A khởi kiện thì anh T là bị đơn có nơi cư trú tại thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng và quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là UBND xã K, tỉnh Lâm Đồng) là hôn nhân hợp pháp. Dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh T đã thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2025. Hội đồng xét xử, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị A yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị A và anh T có 02 con chung là

Phan Bùi Quang D, sinh ngày 27/09/2022 và Phan Bùi Minh T1, sinh ngày 06/02/2026. Quá trình giải quyết, chị A có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1 đến tuổi trưởng thành, anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành. Do vậy, cần giao cháu T1 cho chị A và cháu D cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Bùi Thị Kim A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56; Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kim A đối với anh Phan Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim A được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Kim A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Phan Bùi Minh T1, sinh ngày 06/02/2026 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cho anh Phan Thanh T2 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Phan Bùi Quang D, sinh ngày 27/09/2022 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Bùi Thị Kim A và anh Phan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc con chung để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A và anh T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Buộc chị Bùi Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011659 ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nông Văn Nhu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV 7 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV 7 – Lâm Đồng;
- UBND xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.